SAO Y; Văn phòng, Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng; 24/08/2022; 10:45:12 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 202/KH-UBND	*Hải Phòng, ngày 23 tháng 8 năm 2022*

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn thành phố Hải Phòng

HỎA TỐC

Căn cứ Quyết định số 2014/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1271/QĐ-BKHĐT ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn thành phố Hải Phòng (sau đây gọi tắt là Chiến lược phát triển Thống kê), với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

Hiện đại hóa ngành Thống kê theo hướng đổi mới sáng tạo, phát triển nhanh và vững chắc với hệ thống tổ chức phù hợp; nguồn nhân lực chất lượng cao và chuyên nghiệp; công nghệ hiện đại; sản xuất, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế; hình thành hệ thống thông tin thống kê quốc gia tập trung, thống nhất, thông suốt, chất lượng và hiệu quả; đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin thống kê ngày càng tăng. Phấn đấu đến năm 2030, Thống kê Hải Phòng nói riêng và Thống kê Việt Nam nói chung đạt trình độ tiên tiến trong khu vực ASEAN và đến năm 2045 trở thành hệ thống thống kê hiện đại trên thế giới.

2. Yêu cầu

a) Sản xuất, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời, minh bạch và dễ tiếp cận; dữ liệu thống kê nhà nước là dữ liệu cốt lõi trong hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ sự lãnh đạo của Đảng, quản lý, chỉ đạo, điều hành của Nhà nước trong giám sát, đánh giá, xây dựng và thực hiện chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đồng thời đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật.

b) Phát triển nhanh, vững chắc dựa vào nhân lực chất lượng cao, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0; gắn với quá trình hội nhập thống kê quốc tế để

sản xuất, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê phù hợp chuẩn mực và thông lệ quốc tế, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin thống kê ngày càng tăng của xã hội.

c) Tạo lập đầy đủ, đồng bộ và kịp thời về môi trường pháp lý, bộ máy tổ chức, nguồn nhân lực, tài lực, hạ tầng công nghệ thông tin - truyền thông và cơ sở vật chất kỹ thuật cho hoạt động thống kê.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI

1. Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực

- Phối hợp xây dựng, sửa đổi và triển khai áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê.

- Đổi mới và hoàn thiện mô hình tổ chức hệ thống thống kê tập trung để hoạt động hiệu lực, hiệu quả, theo hướng chuyên môn hóa, giảm thiểu các đơn vị đầu mối, thích ứng với yêu cầu mới.

- Phát triển, thu hút, trọng dụng nhân lực trình độ cao, chuyên nghiệp; tăng cường huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin; ưu tiên sử dụng nhân lực tại chỗ đối với các vùng khó khăn.

- Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển nhân lực theo hướng nâng cấp hệ thống đào tạo, chương trình, nội dung, hình thức, cấp độ đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu các cấp, các ngành, địa phương. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu khoa học thống kê và khoa học dữ liệu. Tăng cường hợp tác, liên kết trong công tác đào tạo, bồi dưỡng. Xây dựng văn hóa học tập thường xuyên, liên tục trong hệ thống thống kê.

2. Áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê

Triển khai áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê, các quy trình sản xuất thông tin thống kê làm cơ sở để thực hiện tư liệu hóa và đánh giá chất lượng thông tin thống kê.

3. Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu

- Tăng cường áp dụng phương pháp luận tiên tiến, hiện đại; đa dạng hóa hình thức và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu thống kê. Ưu tiên sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước cho hoạt động thống kê, trên cơ sở kết nối, chia sẻ dữ liệu với các sở, ngành, địa phương. Đổi mới mạnh mẽ thiết kế điều tra và tổng điều tra thống kê theo hướng tích hợp các cuộc điều tra và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong tất cả các bước của quy trình điều tra để tăng độ tin cậy của dữ liệu và giảm gánh nặng cho các đối tượng cung cấp thông tin. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học thống kê, khoa học dữ liệu để khai thác nguồn dữ liệu lớn, dữ liệu mới cho hoạt động thống kê.

- Quản trị dữ liệu theo hướng tập trung và mở trên nền tảng kiến trúc tổng thể và công nghệ tiên tiến, hiện đại, bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu. Tích hợp các

nguồn dữ liệu khác nhau hướng tới dữ liệu được cập nhật theo thời gian thực. Hình thành cơ sở dữ liệu thống kê tập trung, thống nhất.

4. Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu, phân tích, dự báo, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê

- Nghiên cứu, áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ tiên tiến, hiện đại để nâng cao chất lượng hoạt động phân tích và dự báo thống kê.

- Biên soạn đầy đủ, chi tiết chỉ tiêu thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê. Chú trọng nâng cao chất lượng chỉ tiêu thống kê xã hội, môi trường và chỉ tiêu thống kê phản ánh năng suất, chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế.

- Đa dạng hóa hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê; đẩy mạnh hình thức trực quan hóa dữ liệu. Xây dựng cổng thông tin điện tử của Cục Thống kê thành phố Hải Phòng.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, đa dạng hóa hình thức và phương tiện truyền thông nhằm nâng cao nhận thức vai trò, tầm quan trọng của thống kê. Chú trọng sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội để phổ biến, giáo dục pháp luật về thống kê, kiến thức và kỹ năng sử dụng thông tin thống kê. Tăng cường tương tác với người cung cấp và người sử dụng thông tin thống kê.

5. Đẩy nhanh tư liệu hóa, chuyển đổi số trong công tác thống kê

- Nghiên cứu, đề xuất xây dựng sửa đổi quy chế, chính sách về công nghệ thông tin để đảm bảo thực hiện tư liệu hóa và chuyển đổi số trong công tác thống kê.

- Thực hiện thường xuyên, liên tục việc ghi chép, ghi nhận hoạt động trong lĩnh vực thống kê theo quy trình sản xuất thông tin thống kê và hoạt động quản lý, điều hành; chuẩn hóa, số hóa, lưu trữ và quản lý trên không gian mạng.

6. Tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành thống kê

- Tăng cường kiểm tra, thanh tra việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân; tập trung vào việc cung cấp dữ liệu hành chính của các cơ quan nhà nước.

- Đẩy mạnh kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đã được cấp có thẩm quyền công bố.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tuân thủ Luật Thống kê, tiêu chuẩn, quy trình sản xuất thông tin thống kê của các cơ quan thống kê thuộc hệ thống thống kê tập trung, tổ chức thống kê sở, ngành, hoạt động thống kê ở cấp xã, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

7. Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ công tác thống kê

Kinh phí thực hiện Chiến lược phát triển thống kê được đảm bảo từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác. Tập trung xây dựng và phát triển hạ tầng số, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong công tác thống kê. Tiếp tục đầu tư hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê./.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Yêu cầu các Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, đơn vị liên quan:

- Chỉ đạo cán bộ, cơ quan chức năng chuyên môn thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nội dung công việc được phân công;

- Căn cứ vào từng nội dung công việc được giao, xây dựng Kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện Chiến lược phát triển thống kê trên địa bàn thành phố hàng năm theo lĩnh vực của sở, ngành quản lý;

2. Giao Cục Thống kê thành phố:

- Là cơ quan Thường trực triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn thành phố. Căn cứ vào từng nội dung của Kế hoạch, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện.

- Tổ chức Hội nghị phổ biến Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045;

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chiến lược phát triển thống kê trên địa bàn thành phố và định kỳ hằng năm tiến hành báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Chiến lược, gửi Ủy ban nhân dân thành phố để tổng hợp chung báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Giao Sở Tài chính phối hợp với Cục Thống kê lập dự toán kinh phí hàng năm thực hiện Chiến lược phát triển thống kê trên địa bàn thành phố, bảo đảm nguồn kinh phí ngân sách nhà nước triển khai các nhiệm vụ liên quan đến công tác thống kê Nhà nước theo đúng quy định của pháp luật.

4. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh - Truyền hình Hải Phòng, Báo Hải Phòng, Cổng Thông tin điện tử thành phố Hải Phòng phối hợp với Cục Thống kê tổ chức tuyên truyền nội dung Chiến lược phát triển Thống kê đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố.

Yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo về Cục Thống kê để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố./.

Nơi nhận:
- Tổng cục Thống Kê - Bộ KH&ĐT;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Sở, Ban, ngành TP;
- UBND các quận, huyện;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Phòng TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Anh Quân

Phụ lục

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(Kèm theo Kế hoạch số 202/KH-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch UBND thành phố)

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
I	**CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**						
1	**Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực**	**01**					
1.1	Hoàn thiện thể chế	011					
1.1.1	Góp ý sửa đổi Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	0111	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	2027	2030	Văn bản tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Luật Thống kê sửa đổi, bổ sung

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.1.2	Góp ý xây dựng, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	0112					
1.1.2.1	Góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (GRDP)	01121	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện		Tháng 4/2022 (đã thực hiện)	Văn bản tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng sảng phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP)
1.1.2.2	Góp ý dự thảo Nghị định quy định chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	01122	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện		Tháng 11/2022	Văn bản tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Nghị định quy định chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.1.2.3	Góp ý dự thảo Quyết định ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	01123	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện, phường, xã		Tháng 4/2022 (đã thực hiện)	Văn bản tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã
1.1.2.4	Góp ý dự thảo Quyết định ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia	01124	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành		Tháng 4/2022 (đã thực hiện)	Văn bản tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định Chương trình điều tra thống kê quốc gia
1.1.2.5	Góp ý dự thảo Thông tư quy định chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	01125	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành		Tháng 12/2022	Văn bản tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Thông tư quy định chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.1.2.6	Triển khai áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	01126	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện	2022	2030	Các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 được triển khai, áp dụng thống nhất
1.2	Kiện toàn đội ngũ thống kê sở, ban, ngành; củng cố nhân lực thống kê cho sở, ban, ngành và thống kê cấp phường, xã	012	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện	2021	2030	- Kiện toàn mô hình tổ chức; - Đề xuất bổ sung nhân lực; - Số lượng công chức làm công tác thống kê tại các sở, ban, ngành, UBND phường, xã.
1.3	Phát triển nguồn nhân lực làm công tác thống kê	013					
1.3.1	Thu hút, trọng dụng nhân lực trình độ cao, chuyên nghiệp	0131					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.3.1.1	Xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn nhân lực chất lượng cao	01311	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện		Hằng năm	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn nhân lực chất lượng cao
1.3.1.2	Nghiên cứu cơ chế, chính sách đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao	01312	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện		Hằng năm	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao theo quy định của nhà nước
1.3.1.3	Xây dựng và triển khai kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao	01313	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện		Hằng năm	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao
1.3.2	Tăng cường huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin	0132					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.3.2.1	Huy động các chuyên gia, nhà khoa học trong các nhóm lĩnh vực tham gia một số hoạt động trong công tác thống kê	01321	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện	2022	2030	- Danh sách, kèm thông tin trích ngang liên quan của chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin; - Số lượng chuyên gia nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin được huy động từ bên ngoài tham gia vào các hoạt động thống kê.
1.3.2.2	Tổ chức các khóa học, lớp bồi dưỡng về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin... với sự tham gia giảng dạy của các chuyên gia	01322	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê; các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện		Hằng năm	- Số lượng khóa học, lớp bồi dưỡng được tổ chức có các chuyên gia về lĩnh vực khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin tham gia giảng dạy; - Số lượt công chức, viên chức tham dự các khóa học, lớp bồi dưỡng.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4	Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng	014					
1.4.1	Tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho công chức, viên chức thuộc hệ thống thống kê tập trung	0141	Cục thống kê				
1.4.1.1	Rà soát, tổng hợp thực trạng nguồn nhân lực tại Cục thống kê, Chi cục Thống kê	01411	Cục Thống kê			Hằng năm	Báo cáo thực trạng nguồn nhân lực của ngành thống kê Hải Phòng
1.4.1.2	Cử công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch	01412	Cục Thống kê			Hằng năm	- Số lượng lớp đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch được tổ chức; - Số lượng công chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng được cấp chứng chỉ.
1.4.2	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho những người làm công tác thống kê tại các sở, ban, ngành và các đơn vị trực thuộc; UBND các quận, huyện, phường, xã	0142					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4.2.1	Rà soát, đánh giá hiện trạng và xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác thống kê tại các sở, ban, ngành và các đơn vị trực thuộc; UBND các quận, huyện, phường, xã	01421	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, phường, xã		Hằng năm	Báo cáo rà soát, đánh giá hiện trạng và nhu cầu đào tạo nhân lực thống kê
1.4.2.2	Xây dựng chương trình, biên soạn tài liệu bồi dưỡng	01422	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê	2023	2030	Chương trình đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền phê duyệt
1.4.2.3	Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác thống kê tại các sở, ban, ngành và các đơn vị trực thuộc; UBND các quận, huyện, phường, xã hằng năm, 5 năm	01423	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện		Hằng năm	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền phê duyệt hằng năm, 5 năm

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4.2.4	Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho người làm công tác thống kê tại các sở, ban, ngành và các đơn vị trực thuộc; UBND các quận, huyện, phường, xã	01424	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện		Hằng năm	- Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng do bộ, ngành và UBND thành phố tổ chức; - Số lượng học viên tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng do bộ, ngành và UBND thành phố tổ chức; - Số lượng học viên tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng do Tổng cục Thống kê tổ chức.
1.4.2.5	Tổ chức các khóa bồi dưỡng, phổ biến kiến thức thống kê cho lãnh đạo các cơ quan, sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện	01425	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê; Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện	2023	2030	- Số lượng khóa bồi dưỡng phổ biến kiến thức thống kê; - Số lượng học viên được bồi dưỡng, phổ biến kiến thức thống kê.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4.3	Hợp tác, liên kết với các cơ sở đào tạo trong công tác đào tạo, bồi dưỡng	0143	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê; Trường Đại học Hải Phòng		Hằng năm	- Xây dựng chương trình đào tạo, giáo trình, bài giảng, đội ngũ giảng viên...; - Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng; - Số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng.
2	**Áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê**	**02**					
2.1	Rà soát lại tiêu chuẩn thống kê đang sử dụng	021	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện	2025	2026	Tiêu chuẩn thống kê được rà soát

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
2.1.1	Triển khai áp dụng tiêu chuẩn thống kê do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành	0211	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện	2026	2030	- Số sở, ban, ngành thuộc UBND thành phố triển khai áp dụng các tiêu chuẩn thống kê ban hành; - Số tiêu chuẩn thống kê ban hành được triển khai áp dụng.
2.2	Triển khai áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê	022					
2.2.1	Xây dựng kế hoạch và tổ chức các lớp tập huấn về các quy trình sản xuất thông tin thống kê	0221	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện	2024	2025	- Kế hoạch áp dụng các quy trình sản xuất thông tin thống kê; - Số lớp tập huấn về các quy trình sản xuất thông tin thống kê.
2.2.2	Triển khai các hoạt động thống kê bảo đảm đúng các bước của quy trình sản xuất thông tin thống kê	0222	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện	2024	2025	Các quy trình sản xuất thông tin thống kê được triển khai áp dụng thống nhất

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3	**Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu**	**03**					
3.1	Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu	031					
3.1.1	Đa dạng hóa hình thức và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu thống kê	0311					
3.1.1.1	Đa dạng hoá hình thức thu thập thông tin thống kê	03111	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê, các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện	2021	2030	- Sử dụng các phần mềm phục vụ thu thập thông tin thống kê[1]; - Số lượng các cuộc điều tra và tổng điều tra thống kê sử dụng phiếu điều tra điện tử thay cho phiếu giấy.

[1] Hệ thống cung cấp thông tin trực tuyến; phần mềm thu thập thông tin trên thiết bị di động; Phần mềm khai thác dữ liệu hành chính từ cơ quan Thuế; phần mềm khai thác dữ liệu từ chế độ báo cáo thống kê điện tử của các đơn vị; phần mềm sử dụng bản đồ số GIS và ảnh viễn thám cho thống kê cây trồng...

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.1.2	Ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong xử lý thống kê; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc kiểm tra, giám sát, xử lý thông tin thống kê	03112	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê, các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện	2021	2030	- Hệ thống xử lý thông tin thống kê; - Các hệ thống công nghệ thông tin (phần cứng, phần mềm) phục vụ tất cả các bước thu thập, giám sát và xử lý thông tin thống kê.
3.1.2	Ưu tiên sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước cho hoạt động thống kê	0312					
3.1.2.1	Xây dựng và thường xuyên cập nhật cơ chế cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê giữa Cục Thống kê với thống kê sở, ban, ngành trên địa bàn thành phố	03121	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện	2022	2030	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê giữa Cục Thống kê với các sở, ban, ngành

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.2.2	Xây dựng và thường xuyên cập nhật cơ chế cung cấp, chia sẻ dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có giữa các cơ quan quản lý nhà nước với Cục Thống kê và các sở, ban, ngành liên quan	03122	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện	2022	2030	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế cung cấp, chia sẻ dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có giữa các cơ quan quản lý nhà nước với Cục Thống kê và các sở, ban, ngành liên quan
3.1.2.3	Sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước trong sản xuất thông tin thống kê	03123	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		2022	2030	- Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn dữ liệu hành chính; - Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn dữ liệu sẵn có.
3.1.2.3	Sử dụng dữ liệu hành chính thu, chi ngân sách Nhà nước	03123	Cục Thống kê	Sở Tài chính; Kho bạc Nhà nước	2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về ngân sách Nhà nước

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.2.4	Sử dụng dữ liệu hành chính về con người	03124	Cục Thống kê	Công an thành phố	2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về con người
3.1.2.5	Sử dụng dữ liệu hành chính về đất đai	03125	Cục Thống kê	Sở Tài nguyên và Môi trường	2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về đất đai
3.1.2.6	Sử dụng dữ liệu hành chính về cơ sở kinh tế	03126	Cục Thống kê	Cục thuế; Sở Nội vụ	2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về cơ sở kinh tế
3.1.2.7	Sử dụng dữ liệu hành chính về thuế	03127	Cục Thống kê	Cục thuế	2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về thuế

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.2.8	Sử dụng dữ liệu hành chính về hải quan	03128	Cục Thống kê	Cục Hải quan	2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về xuất, nhập khẩu
3.1.2.9	Sử dụng dữ liệu hành chính về bảo hiểm	03129	Cục Thống kê	Bảo hiểm Xã hội thành phố	2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về bảo hiểm
3.1.2.10	Sử dụng dữ liệu hành chính về y tế	031210	Cục Thống kê	Sở Y tế	2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về y tế
3.1.2.11	Sử dụng dữ liệu hành chính về giáo dục	031211	Cục Thống kê	Sở Giáo dục	2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về giáo dục

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.2.12	Sử dụng dữ liệu hành chính về văn hóa, thể thao	031212	Cục Thống kê	Sở Văn hóa, Sở Du lịch	2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về văn hóa, thể thao
3.1.2.13	Sử dụng dữ liệu hành chính về xã hội môi trường	031213	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành	2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về xã hội, môi trường
3.1.3	Tích hợp các cuộc điều tra và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong tất cả các bước của quy trình điều tra	0313					
3.1.3.1	Tích hợp các cuộc điều tra có cùng lĩnh vực và đối tượng (Tích hợp các cuộc điều tra với đối tượng điều tra là hộ gia đình; Tích hợp các cuộc điều tra với đối tượng điều tra là doanh nghiệp; Tích hợp các cuộc điều tra với đối tượng điều tra là cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, Tích hợp các cuộc điều tra với đối tượng điều	03131	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê; các sở, ban, ngành	2022	2030	Số lượng cuộc điều tra được tích hợp

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
	tra hộ nông, lâm, thủy sản...)						
3.1.3.2	Tin học hóa toàn bộ quy trình điều tra thống kê	03132	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê; Sở TT&TT	2023	2030	Các bước trong quy trình điều tra thống kê được tin học hóa
3.1.3.3	Ứng dụng công nghệ thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin	03133	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê; Sở TT&TT	2025	2030	Kết quả ứng dụng các giải pháp thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin.
3.1.4	Ứng dụng khoa học thống kê, khoa học dữ liệu để khai thác nguồn dữ liệu lớn, dữ liệu mới cho hoạt động thống kê	0314					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.4.1	Áp dụng công nghệ khai thác dữ liệu lớn để biên soạn chỉ tiêu thống kê, biên soạn một số chỉ tiêu báo cáo phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo thành phố	03141	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê	2025	2030	Báo cáo nghiên cứu
3.1.4.2	Rà soát, đánh giá và xác định danh mục dữ liệu mở; đề xuất giải pháp sử dụng dữ liệu mở phục vụ công tác thống kê	03142	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê; các sở, ban, ngành	2023	2030	- Danh mục dữ liệu mở phục vụ công tác thống kê; - Giải pháp sử dụng dữ liệu mở của cơ quan nhà nước phục vụ công tác thống kê.
4	**Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu, phân tích, dự báo, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê**	**04**					
4.1	Nâng cao chất lượng hoạt động phân tích và dự báo thống kê	041					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.1.1	Áp dụng khung lý thuyết chung được xây dựng để thực hiện các hoạt động phân tích và dự báo thống kê	0411	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê	Tháng 4/2021	2030	Số báo cáo/chuyên đề phân tích và dự báo áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại
4.1.2	Áp dụng công cụ phần mềm tiên tiến đã nghiên cứu để thực hiện các báo cáo phân tích và dự báo thống kê	0412	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê	Tháng 4/2021	2030	Các chuyên đề phân tích và dự báo được áp dụng công cụ hiện đại
4.1.3	Tổ chức thu thập, sử dụng số liệu thống kê phục vụ công tác phân tích, dự báo của ngành, lĩnh vực phụ trách	0413	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê	2022	2030	Hệ thống số liệu thống kê phục vụ công tác phân tích, dự báo kinh tế vĩ mô, công tác kiểm sát
4.2	Đổi mới hoạt động biên soạn thông tin thống kê	042					
4.2.1	Đổi mới nội dung biên soạn thông tin thống kê	0421					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.2.1.1	Rà soát lại các chỉ tiêu được biên soạn trong báo cáo kinh tế - xã hội tháng, quý, năm theo hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã được ban hành	04211	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành liên quan	2022	2030	Danh mục chỉ tiêu kinh tế - xã hội được rà soát theo hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã
4.2.1.2	Tăng cường biên soạn thông tin thống kê về kinh tế - xã hội cập nhật số liệu một số chỉ tiêu thống kê chủ yếu vùng Đồng bằng Sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, khối các thành phố trực thuộc Trung ương; các chỉ tiêu kinh tế số, logistic	04212	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành liên quan	2022	2030	Số lượng báo cáo kinh tế xã hội tháng, quý, năm, các báo cáo phân tích và dự báo thống kê có biên soạn thông tin thống kê về vùng kinh tế - xã hội Đồng bằng Sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, khối các thành phố trực thuộc Trung ương; các chỉ tiêu kinh tế số, logistic
4.2.2	Đổi mới hình thức và ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào hoạt động biên soạn thông tin thống kê	0422					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.2.2.1	Xây dựng phần mềm biên soạn báo cáo kinh tế - xã hội tháng, quý, năm	04221	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê	Tháng 4/2021	2030	Phần mềm biên soạn báo cáo kinh tế - xã hội tháng, quý, năm được xây dựng và áp dụng
4.2.2.2	Ứng dụng công cụ hiện đại để biên soạn thông tin thống kê dưới dạng video phục vụ họp báo kinh tế - xã hội quý, năm	04222	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê	2023	2030	Các video thể hiện thông tin thống kê quý, năm được biên soạn phục vụ họp báo kinh tế - xã hội
4.2.2.3	Đổi mới hình thức trong biên soạn thông tin thống kê trên địa bàn	04223	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành liên quan	2022	2030	- Số lượng maket số liệu kinh tế - xã hội được chuẩn hóa theo phương pháp mới; - Các thông tin đầu vào được chuẩn hóa điện tử trên Hệ thống thông tin báo cáo thành phố (LRIS); - Phần mềm biên soạn báo cáo kinh tế xã hội; - Xuất bản Niên giám Thống kê điện tử...

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.3	Đổi mới hoạt động phổ biến thông tin thống kê	043					
4.3.1	Đa dạng hóa hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê	0431	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê	2022	2030	Hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê được đa dạng hóa
4.3.1.1	Sử dụng mạng xã hội (facebook, zalo), phương tiện truyền thông, trang web của các sở, ban, ngành để phổ biến thông tin thống kê	04311	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện	Cục Thống kê		Hằng năm	- Thông tin thống kê được phổ biến bằng hình thức mới; - Thông tin thống kê của bộ, ngành được tích hợp, chia sẻ.
4.3.1.2	Phổ biến các thông tin thống kê theo các chỉ tiêu thống kê mới được quy định trong Quyết định ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	04312	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện	Cục Thống kê		Hằng năm	Thông tin thống kê các chỉ tiêu mới được phổ biến trong các ấn phẩm thống kê: Tài liệu phổ biến thông tin thống kê hằng năm; Niên giám thống kê ...

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.3.1.3	Phổ biến số liệu thống kê theo hình thức thân thiện với người dùng tin (trên các nền tảng và hình thức biên soạn infographic, bảng, biểu đồ thị phù hợp với số liệu nhiều năm)	04313	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện			Số sản phẩm thống kê được phổ biến rộng rãi trên trang web của Cục Thống kê thành phố, của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn
4.3.1.4	Xây dựng Quy chế phổ biến, cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng	04314	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện	2022	2030	Quyết định củaa cấp có thẩm quyền ban hành Quy chế phổ biến, cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn thành phố
4.3.1.5	Tăng cường phổ biến thông tin về vùng kinh tế - xã hội Đồng bằng Sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, khối các thành phố trực thuộc Trung ương	04315	Cục Thống kê	Cục Thống kê các địa phương trong vùng/khối	2022	2030	Thông tin về vùng kinh tế - xã hội Đồng bằng Sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, khối các thành phố trực thuộc Trung ương được phổ biến trong buổi họp báo, ấn phẩm, website...
4.3.1.6	Xây dựng, cập nhật, nâng cấp trang	04316	Cục Thống	Tổng cục	2022	2030	Website của Cục Thống kê

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
	thông tin điện tử của Cục Thống kê		kê	Thống kê, Sở TT&TT			được xây dựng, cập nhật
4.3.1.7	Bảo đảm cung cấp sản phẩm thống kê kịp thời và tăng cường cung cấp dữ liệu thống kê vi mô	04317	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê		Hằng năm	- Số lượng các sản phẩm thống kê được cung cấp tới người sử dụng thông tin thống kê kịp thời theo lịch công bố thông tin; - Số lượt cung cấp dữ liệu vi mô các cuộc điều tra; dung lượng dữ liệu vi mô đã cung cấp.
4.4	Đẩy mạnh công tác truyền thông nhằm nâng cao nhận thức vai trò, tầm quan trọng của công tác thống kê	044					
4.4.1	Đa dạng hóa hình thức và phương tiện truyền thông về vai trò, tầm quan trọng của công tác thống kê	0441	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện	2022	2030	- Kế hoạch tuyên truyền; Tài liệu tuyên truyền; Các bài viết trên báo in, báo điện tử; - Các phóng sự, chuyên đề trên đài phát thanh - truyền hình Trung ương và địa phương.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.4.1.1	Tổ chức các cuộc hội nghị phổ biến kiến thức thống kê, tập huấn chuyên đề, chuyên môn	04411	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện	2022	2030	Số hội nghị, tập huấn
4.4.1.2	Tổ chức tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng: báo in, báo điện tử, sóng phát thanh, truyền hình	04412	Cục Thống kê	Sở TT&TT; các cơ quan thông tấn, báo chí	2022	2030	Số buổi phát thanh, truyền hình, số bài báo tuyên truyền về công tác thống kê
4.4.1.3	Tổ chức tuyên truyền trên các ấn phẩm thống kê và các hình thức, phương tiện khác	04413	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê	2022	2030	- Số lượng Sổ tay, tài liệu, ấn phẩm; số buổi họp báo chuyên đề; -Số Ấn phẩm tuyên truyền về Luật Thống kê 2015, Luật thống kê sửa đổi bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.4.2	Sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội để phổ biến, giáo dục pháp luật về thống kê, kiến thức và kỹ năng sử dụng thông tin thống kê	0442	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành	2022	2030	- Các tài khoản chính thức trên các phương tiện truyền thông xã hội; - Các clip ngắn, các bài giảng về Luật Thống kê, về kiến thức và kỹ năng sử dụng thông tin thống kê.
4.4.3	Tăng cường tương tác với người cung cấp và người sử dụng thông tin thống kê	0443	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành	2022	2030	- Số lần tương tác; - Ý kiến phản hồi; - Các tài liệu hướng dẫn; - Hội nghị người dùng tin thống kê được tổ chức.
5	**Đẩy nhanh tư liệu hóa, chuyển đổi số trong công tác thống kê**	**05**					
5.1	Nghiên cứu, đề xuất xây dựng sửa đổi quy chế, chính sách về công nghệ thông tin để bảo đảm thực hiện tư liệu hóa và chuyển đổi số trong công tác thống kê	051					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
5.1.1	Rà soát, cập nhật các quy chế, chính sách về công nghệ thông tin để bảo đảm thực hiện tư liệu hóa và chuyển đổi số trong công tác thống kê	0511	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê; các sở, ban, ngành	2022	2030	Báo cáo tổng kết, đánh giá các quy chế, chính sách về công nghệ thông tin để bảo đảm thực hiện tư liệu hóa và chuyển đổi số trong công tác thống kê tại địa phương
5.1.2	Góp ý xây dựng Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia	0512	Cục thống kê	Các sở, ban, ngành	2022	2022	Tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia
5.2	Xây dựng cơ sở hạ tầng tạo nền tảng chuyển đổi số trong công tác thống kê	052					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
5.2.1	Đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin, nền tảng số phục vụ công tác thống kê	0521	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện	2022	2030	- Báo cáo đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin tại Cục Thống kê và các Chi cục Thống kê trực thuộc; - Báo cáo đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin tại sở, ban, ngành và địa phương phục vụ công tác thống kê; - Báo cáo đánh giá về các nền tảng số phục vụ thu thập thông tin thống kê.
5.2.2	Chuyển đổi số trong công tác chỉ đạo điều hành	0522	Cục Thống kê				Công tác chỉ đạo điều hành các hoạt động thống kê được thực hiện chuyển đổi số
5.3	Tư liệu hóa công tác thống kê	053					
5.3.1	Thực hiện cập nhật lưu trữ công tác chỉ đạo điều hành trên cổng thông tin điện tử	0531	Cục Thống kê		2023	2030	Cơ sở dữ liệu lưu trữ công tác chỉ đạo điều hành trên cổng thông tin điện tử

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
5.3.2	Chuẩn hóa, số hóa, lưu trữ và quản lý trên không gian mạng	0532	Cục Thống kê		2022	2030	- Quy trình hoạt động thống kê được chuẩn hóa; - Cơ sở dữ liệu về các tài liệu được số hóa; - Sách điện tử.
5.3.2.1	Chỉnh lý tài liệu lưu trữ	05321	Cục Thống kê			Hằng năm	Tài liệu lưu trữ được chỉnh lý hoàn chỉnh
5.3.2.2	Số hóa tài liệu lưu trữ	05322	Cục Thống kê			Hằng năm	Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ được cập nhật
6	**Tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành thống kê**	**06**					
6.1	Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân	061					
6.1.1	Thanh tra việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân	0611	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện		Hằng năm	- Báo cáo kết quả thanh tra; - Kết luận thanh tra.
6.1.2	Kiểm tra việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân	0612	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các		Hằng năm	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
				quận, huyện			
6.1.3	Giám sát việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân	0613	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện		Hằng năm	Báo cáo kết quả giám sát
6.2	Đẩy mạnh kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đã được cấp có thẩm quyền công bố	062					
6.2.1	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đối với sở, ban, ngành	0621	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành	2022	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.
6.2.2	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đối với cấp quận, huyện	0622	Cục Thống kê	UBND quận, huyện	2022	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.
6.2.3	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đối với cấp xã	0623	Cục Thống kê	UBND quận, huyện, xã, phường	2026	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.3	Kiểm tra việc sản xuất thông tin đối với sở, ban, ngành	063	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành	2022	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.
7	**Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ công tác thống kê**	**07**					
7.1	Bảo đảm kinh phí thực hiện CLTK21-30	071					
7.1.1	Dự toán kinh phí thực hiện chiến lược	0711	Cục Thống kê	Sở KH&ĐT, Sở Tài chính		Hằng năm	Dự toán kinh phí thực hiện CLTK21-30 hằng năm của Cục thống kê và thống kê các sở, ban, ngành được phê duyệt
7.1.2	Phân bổ kinh phí thực hiện chiến lược	0712	Sở KH&ĐT	Sở Tài chính, Cục Thống kê		Hằng năm	Kinh phí thựchiện CLPTTK trên địa bàn được phân bổ cho các đơn vị thực hiện

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
7.2	Tập trung xây dựng và phát triển hạ tầng số, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong công tác thống kê	072					
7.2.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê cấp thành phố	0721	Cục Thống kê	Sở KH&ĐT, Sở Tài chính	2022	2030	Dự toán kinh phí hằng năm thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án được thành phố phê duyệt
7.2.2	Phân bổ kinh phí Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hoạt động thống kê tại địa phương	0722	Sở KH&ĐT	Sở Tài chính, Cục Thống kê	2022	2030	Kinh phí thực hiện Đề án hằng năm được phân bổ
7.3	Hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê	073					
7.3.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án tăng cường năng lực thống kê trên địa bàn (phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê)	0731	Cục Thống kê	Sở KH&ĐT, Sở Tài chính	2024	2030	Dự toán kinh phí Đề án hằng năm của công tác thống kê trên địa bàn được phê duyệt

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
7.3.2	Bảo đảm kinh phí thực hiện Đề án tăng cường năng lực thống kê trên địa bàn	0732	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành	2024	2030	- Phương tiện và trang thiết bị làm việc cơ quan thống kê tập trung, thống kê sở, ban, ngành - Kế hoạch phân bổ (bao gồm hoạt động về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực như đào tạo, bồi dưỡng).
II	**CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN, THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC**						
8	**Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện chiến lược và tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện chiến lược**	**08**					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
8.1	Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chiến lược thành phố Hải Phòng	081	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành liên quan		Tháng 8/2022	Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chiến lược thành phố Hải Phòng
8.1.1	Thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ Thư ký giúp việc thực hiện Chiến lược thành phố Hải Phòng	0811	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành liên quan		Tháng 8/2022	Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ Thư ký giúp việc thực hiện Chiến lược thành phố Hải Phòng
8.1.2	Kiện toàn nhân sự Ban Chỉ đạo và Tổ Thư ký giúp việc thực hiện Chiến lược thành phố Hải Phòng	0812	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành liên quan		2026	Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo và Tổ Thư ký giúp việc thực hiện Chiến lược thành phố Hải Phòng
8.2	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 thành phố Hải Phòng	082					
8.2.1	Xây dựng Kế hoạch thực hiện CLTK21- 30 của bộ, ngành, UBND cấp tỉnh	0822	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện		Tháng 8/2022	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của UBND thành phố Hải Phòng được ban hành

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
8.2.2	Cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21- 30 của bộ, ngành, UBND cấp tỉnh	08221	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện		2026	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của UBND thành phố Hải Phòng được cập nhật
8.3	Tổ chức Hội nghị triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược trên địa bàn thành phố	083	Cục Thống kê	Văn phòng UBND thành phố; các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện		Tháng 8/2022	01 hội nghị do UBND thành phố chủ trì
9	**Tổ chức theo dõi, đánh giá và tổng kết thực hiện Chiến lược**	**09**					
9.1	Góp ý dự thảo Khung theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30	091	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	Tháng 7/2022	Tháng 8/2022	Tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Khung theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30
9.2	Áp dụng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30	092	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện		Hằng năm	Kết quả thực hiệnCLTK21-30 hằng năm được báo cáo trên phần mềm

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
9.3	Tổ chức theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30	093	Cục Thống kê				
9.3.1	Theo dõi thường xuyên quá trình thực hiện CLTK21-30	0931	Cục Thống kê			Hằng năm	Báo cáo theo dõi thực hiện CLTK21-30 hằng năm
9.3.2	Xây dựng báo cáo về tình hình thực hiện CLTK21-30 trình Chủ tịch UBND thành phố và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư	0932	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện		2023; 2027	Báo cáo tình hình thực hiện CLTK21-30 trình Chủ tịch UBND thành phố và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư
9.4	Sơ kết thực hiện CLTK21-30	094	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	Tháng 9/2025	Tháng 12/2025	Báo cáo sơ kết của UBND thành phố (từ tháng 9 - 12/2025)
9.4.1	Biên soạn báo cáo sơ kết tình hình thực hiện CLTK21-30 tại Hải Phòng	0941	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	Tháng 12/2025	Tháng 02/2026	Báo cáo sơ kết
9.4.2	Tổ chức Hội nghị sơ kết thực hiện CLTK21-30	0942	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện		Tháng 3/2026	Hội nghị sơ kết
9.5	Tổng kết thực hiện CLTK21-30	095					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm chính
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
9.5.1	Tổng kết tình hình thực hiện CLTK21- 30 tại thành phố Hải Phòng	0951	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	Tháng 7/2030	Tháng 12/2030	- Báo cáo tổng kết UBND thành phố Hải Phòng (từ tháng 7-10/2030); - Tổ chức Hội nghị tổng kết (tháng 10-12/2030).
9.5.1.1	Biên soạn báo cáo tổng kết tình hình thực hiện CLTK21-30 tại Hải Phòng	09511	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện	Tháng 7/2030	Tháng 12/2030	Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện CLTK21-30 tại Hải Phòng
9.5.1.2	Tổ chức Hội nghị tổng kết thực hiện CLTK21-30	09512	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các quận, huyện		Tháng 12/2030	Hội nghị tổng kết thực hiện CLTK21-30 tại Hải Phòng